

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2025

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thái Hoàng;

2. Ông Đặng Đình Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 167/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1981.

Căn cước công dân số 048181000074 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25 ngày 4 năm 2021.

Địa chỉ: E đường L, phường B (trước đây là đây là phường B, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 2001, địa chỉ: Tầng A, số E đường L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số công chứng 03707, quyền số 05/2025 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại Văn phòng C) là người đại diện theo ủy quyền;

2. *Bị đơn:* Ông Lý Anh T, sinh năm 1975.

Căn cước công dân số 079075017320 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25 ngày 4 năm 2021.

Địa chỉ: E đường L, phường B (trước đây là phường B, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa vắng mặt bà Đoàn Thị H, ông Lý Anh T, ông Nguyễn Văn H1 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn ly hôn, tại các bản khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là bà Đoàn Thị H trình bày:*

Bà và ông Lý Anh T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, Thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 01 ngày 08 tháng 02 năm 2003. Sau khi kết hôn, bà và ông T vào Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống và lập nghiệp. Thời kỳ đầu hôn nhân, bà và ông T chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Từ cuối năm 2021 đến nay, giữa bà và ông T thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong nuôi dạy con, quản lý tài chính gia đình và văn hóa ứng xử.

Đến nay, mâu thuẫn giữa bà và ông T đã kéo dài hơn 4 năm, cả hai nhiều lần tự hàn gắn nhưng không giải quyết được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Bà và ông T không sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình, không còn quan tâm đến đời sống riêng của nhau. Hiện tại mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ và tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lý Anh T để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Quá trình hôn nhân, bà và ông Lý Anh T có 02 con chung là Lý Anh H2, giới tính: nam, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2004 và trẻ Lý Anh Q, giới tính: nam, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2014. Con chung Lý Anh H2 đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Lý Anh Q, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Lý Anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là ông Lý Anh T trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đoàn Thị H về thời gian sống chung, việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Mâu thuẫn giữa ông và bà H phát sinh từ cuối năm 2021, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con chung, quản lý tài chính gia đình và văn hóa ứng xử.

Hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài hơn 04 năm, hai bên đã tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông và bà H đã không sống chung từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung, không yêu thương, quan tâm, lo lắng cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ và tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị H để cả hai ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Ông đồng ý giao con chung là trẻ Lý Anh Q, giới tính: nam, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2014 cho bà Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông và bà Đoàn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông xác định ông và bà Đoàn Thị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung là trẻ Lý Anh Q, giới tính: Nam, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi trẻ Anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Nguyên đơn là bà Đoàn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn là ông Lý Anh T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đăng ký thường trú và hiện thực tế cư trú tại E L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường H, quận L, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 02 năm 2003, lời trình bày

của bà Đoàn Thị H, ông Lý Anh T, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông T là tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên có cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn là bà Đoàn Thị H về việc yêu cầu ly hôn với ông Lý Anh T, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo nguyên đơn, bị đơn trình bày, bà Đoàn Thị H và ông Lý Anh T tự nguyện chung sống với nhau, sau khi kết hôn, bà H và ông T vào Thành phố Hồ Chí Minh để lập nghiệp và sinh sống. Thời gian đầu bà H và ông T chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Từ cuối năm 2021 đến nay, giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, bất đồng quan điểm trong nuôi dạy hai con chung, quản lý tài chính gia đình và văn hóa ứng xử.

[4] Xét thấy, mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, kéo dài hơn 04 năm, cả hai đã tự hàn gắn nhiều lần nhưng không giải quyết được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nguyên đơn và bị đơn đã không sống chung từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử nhận định, giữa nguyên đơn và bị đơn không còn tình nghĩa vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ và tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, căn cứ các điều 19, 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà Đoàn Thị H xin ly hôn với ông Lý Anh T là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Lý Anh H2, giới tính: nam, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Lý Anh Q, giới tính: nam, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2014. Con chung Lý Anh H2 đã thành niên không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Lý Anh Q, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn cũng đồng ý giao trẻ Lý Anh Q cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Theo nội dung bản khai ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh, trẻ Lý Anh Q có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Đoàn Thị H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn, giao trẻ Lý Anh Q cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

[6] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung là Lý Anh Q. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lý Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được cản trở, nhưng ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Đoàn Thị H.

[7] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 300.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Đoàn Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị H được ly hôn với ông Lý Anh T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị H và ông Lý Anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường H, quận L, Thành phố Đà Nẵng (nay là Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 08 tháng 02 năm 2003 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Lý Anh Q, giới tính: nam, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2014 cho bà Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đoàn Thị H tự nguyện không yêu cầu ông Lý Anh T cấp dưỡng nuôi trẻ Lý Anh Q.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lý Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở, nhưng ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Đoàn Thị H.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình: Bà Đoàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000445 ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị H, ông Lý Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – TP.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Tuyết